

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Bóng đá 1 – Nhóm 02

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thành Quân

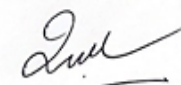
STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2121270004	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	25/04/2003	CCQ2127A	5.3	5	5.1	
2	2121170637	Đặng Huy	Bình	06/04/2003	CCQ2117B	7.0	6	6.4	
3	2121200114	Huỳnh Thị Hồng	Cầm	08/12/2003	CCQ2120D	6.3	6	6.1	
4	2121170046	Lâm Đình	Chương	06/02/2003	CCQ2117B	7.8	9	8.5	
5	2119050073	Nguyễn Duy	Cường	12/10/2001	CCQ1905C	0.0	0	0.0	Vắng
6	2121170640	Hồ Ngọc	Diễn	10/03/2003	CCQ2117B	9.5	9	9.2	
7	2121170051	Võ Minh	Dũng	01/05/2002	CCQ2117B	8.3	10	9.3	
8	2121170053	Nguyễn Tấn	Đông	26/04/2003	CCQ2117B	5.5	6	5.8	
9	2120100320	Nguyễn Thị Phương	Hạ	18/11/2002	CCQ2010J	0.0	0	0.0	Vắng
10	2121170048	Nguyễn Văn	Hạ	03/07/2003	CCQ2117B	6.7	6	6.3	
11	2121170055	Lê Quang	Hải	07/02/2003	CCQ2117B	5.0	5	5.0	
12	2121120357	Huỳnh Anh	Hào	07/06/2003	CCQ2112K	6.3	6	6.1	
13	2121120565	Nhữ Thị	Hằng	22/08/2003	CCQ2112Q	5.8	6	5.9	
14	2121100120	Phan Thị Thu	Hiền	12/12/2003	CCQ2110D	5.8	6	5.9	
15	2121100135	Văn Thị Hồng	Hiệp	24/09/2003	CCQ2110D	5.8	7	6.5	
16	2120170327	Lê Trọng	Hiếu	01/07/2002	CCQ2017J	8.3	7	7.5	
17	2121170052	Ngô Trung	Hiếu	08/08/2003	CCQ2117B	7.3	5	5.9	
18	2121120409	Nguyễn Thị	Hiếu	07/02/2003	CCQ2112L	9.2	6	7.3	
19	2120030142	Nguyễn Phi	Hùng	11/11/2002	CCQ2003E	7.5	9	8.4	
20	2121170218	Hà Quốc	Huy	09/05/2003	CCQ2117G	0.0	0	0.0	Vắng
21	2121170676	Nguyễn Bảo	Khanh	13/02/2003	CCQ2117B	0.0	0	0.0	Vắng
22	2121170062	Nguyễn Linh	Kiệt	19/12/2003	CCQ2117B	7.0	0	2.8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
23	2121170063	Phạm Lâm Thanh	Lai	09/01/2003	CCQ2117B	6.0	7	6.6	
24	2121120066	Lê Thị Mỹ	Lan	19/04/2003	CCQ2112B	6.0	6	6.0	
25	2120200079	Nguyễn Lê Thùy	Linh	01/02/2002	CCQ2020C	5.8	7	6.5	
26	2121120510	Nguyễn Ngọc Thành	Luân	11/07/2002	CCQ2112O	9.2	8	8.5	
27	2121170044	Bùi Mạnh	Lương	29/11/2002	CCQ2117B	6.5	7	6.8	
28	2121260061	Trần Lê Cẩm	Ly	31/05/2003	CCQ2126B	5.7	5	5.3	
29	2121170061	Nguyễn Văn	Mẫn	09/01/2003	CCQ2117B	6.8	6	6.3	
30	2121260058	Nguyễn Hoàng Thảo	My	14/07/2003	CCQ2126B	6.8	8	7.5	
31	2120030155	Phan Công	Nam	25/04/2002	CCQ2003E	7.5	5	6.0	
32	2121100152	Đoàn Thị Bảo	Nguyên	14/07/2003	CCQ2110E	5.8	6	5.9	
33	2121170060	Phạm Hữu	Nguyên	12/12/2003	CCQ2117B	7.2	6	6.5	
34	2121200068	Mai Tuyết	Nhi	22/08/2003	CCQ2120B	7.0	6	6.4	
35	2121120418	Võ Thị Bích	Phận	03/01/2003	CCQ2112L	7.2	5	5.9	
36	2121170064	Nguyễn Duy Khánh	Phước	24/10/2003	CCQ2117B	6.8	5	5.7	
37	2121170057	Nguyễn Hữu	Phước	25/02/2003	CCQ2117B	7.7	9	8.5	
38	2121170039	Nguyễn Thái	Phước	02/05/2003	CCQ2117B	8.8	9	8.9	
39	2120110320	Nguyễn Việt	Quốc	14/07/2002	CCQ2011J	0.0	0	0.0	Vắng
40	2121170638	Ngô Ngọc	Quý	01/07/2003	CCQ2117B	7.5	8	7.8	
41	2121170068	Đoàn Văn	Sơn	03/07/2003	CCQ2117B	9.3	8	8.5	
42	2121170041	Trương Hữu	Tài	02/03/2003	CCQ2117B	10.0	7	8.2	
43	2121100162	Đặng Mỹ	Tâm	26/03/2003	CCQ2110E	7.8	7	7.3	
44	2121170069	Nguyễn Minh	Tâm	02/12/2003	CCQ2117B	6.2	5	5.5	
45	2120110388	Võ Anh	Tâm	02/01/2001	CCQ2011J	8.7	10	9.5	
46	2121170040	Tổng Việt	Thái	07/10/2001	CCQ2117B	7.7	8	7.9	
47	2120170747	Huỳnh Công	Thành	05/06/2002	CCQ2017R	9.2	7	7.9	
48	2121170070	Nguyễn Hữu	Thành	06/11/2003	CCQ2117B	8.2	6	6.9	
49	2120170735	Cao Như	Thịnh	25/03/2002	CCQ2017O	6.7	8	7.5	
50	2121170049	Nguyễn Phú	Thịnh	26/01/2003	CCQ2117B	8.8	7	7.7	
51	2119240312	Lê Tấn	Thuận	25/05/2001	CCQ1924K	7.3	6	6.5	
52	2121170067	Nguyễn Hoàng	Thư	02/06/2003	CCQ2117B	6.8	7	6.9	
53	2121100183	Phạm Thị Anh	Thư	11/02/2003	CCQ2110F	5.8	8	7.1	
54	2121100143	Nguyễn Thị Thùy	Trang	29/09/2002	CCQ2110E	6.5	6	6.2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
55	2121100166	Nguyễn Vũ Huyền	Trinh	09/12/2003	CCQ2110E	6.5	5	5.6	
56	2121270005	Nông Duyên	Trinh	15/03/2003	CCQ2127A	5.5	5	5.2	
57	2121120041	Trình Thị Thanh	Trúc	12/10/2003	CCQ2112B	5.8	5	5.3	
58	2121270020	Võ Thị Thanh	Trúc	14/03/2003	CCQ2127A	6.8	6	6.3	
59	2121170065	Lê Hoàng Việt	Trung	29/08/2003	CCQ2117B	7.3	7	7.1	
60	2121170045	Đoàn Nhật	Trường	10/02/2003	CCQ2117B	5.7	5	5.3	
61	2119120577	Hà Thanh	Tuấn	12/04/2001	CCQ1912P	6.8	6	6.3	
62	2120110390	Trương Đình	Tuấn	24/09/2001	CCQ2011J	8.3	7	7.5	
63	2121170695	Nguyễn Văn	Uy	08/11/2003	CCQ2117B	0.0	0	0.0	Vắng
64	2121130051	Trần Thị Tường	Vi	09/03/2003	CCQ2113B	7.0	8	7.6	
65	2119210098	Nguyễn Trung	Việt	05/06/2000	CCQ1921B	0.0	0	0.0	Vắng
66	2121190164	Lê Hoàng	Vũ	21/05/2003	CCQ2119B	7.5	6	6.6	
67	2121170066	Nguyễn Công	Vũ	28/11/2003	CCQ2117B	8.2	8	8.1	
68	2121260114	Võ Thành Anh	Vũ	12/12/2003	CCQ2126D	0.0	0	0.0	Vắng

TPHCM, ngày 25 tháng 10 năm 2022

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân